

Bản án số: **118/2020/DS-PT**
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp quyền về lỗi đi
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/QĐ-PT ngày 21/02/2020 về việc “Tranh chấp quyền về lỗi đi chung”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2020/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Tân Đ, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; Trú tại: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Thanh T1, sinh năm 1987, có mặt;
2. Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1992, có mặt;
3. Ông Đỗ Thanh T3, sinh năm 1978, có mặt;
4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, có mặt;
Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.
5. Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1992, vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

6. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Đường L, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Tô Thị X; Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Dương Tấn Đ trình bày:

Năm 1990, gia đình ông Đ có khai phá được 01 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được đo đạc chính quy thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số: 38, diện tích: 21.629,3m², tọa lạc tại: Ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước từ năm 1990, thửa đất này nằm phía bên trong diện tích đất của bà Nguyễn Thị B. Tại thời điểm đó đã hình thành 01 con đường xe bò có chiều ngang khoảng 04 m x chiều dài khoảng hơn 100m. Vị trí từ đường liên thôn thuộc ấp 7, xã T nằm dọc theo ranh đất của bà Nguyễn Thị B đi vào phần đất của ông Đ, gia đình ông Đ và các hộ dân tại ấp 7, xã T đã sử dụng con đường này từ năm 1990 đến tháng 4/2018 thì gia đình bà B đã có hành vi xới lên trồng tiêu không cho gia đình ông Đ đi lối đi này nữa. Vì vậy, ông Đ yêu cầu gia đình bà B phải trả lại lối đi cho gia đình ông vì gia đình ông có đất và cây trồng nằm phía bên trong của con đường nên hiện nay hộ ông Đ không có đường đi vào vườn canh tác chăm bón cây trồng, vì ngoài con đường này ra thì không còn con đường nào khác để gia đình ông đi vào đất của gia đình mình.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B thừa nhận vào khoảng thời gian năm 1990 gia đình bà có khai phá được 01 thửa đất diện tích khoảng 01 ha tại ấp 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước từ khi gia đình bà sử dụng thửa đất này đến nay bà B thừa nhận trên thửa đất của gia đình bà có con 01 đường đi qua. Có vị trí từ đường liên thôn ấp 7 qua đất của gia đình bà vào đất ông Đ lối đi có diện tích chiều ngang khoảng 02m x dài 120m, gia đình ông Đ có đi qua lối đi này để vào đất của ông Đ chăm sóc cây trồng nhưng bà không nhớ con đường này hình thành từ năm nào. Bà B chỉ nhớ lúc ông Đ mua thêm thửa đất nhỏ giáp đất của bà thì bắt đầu xin đi nhờ và chồng bà là (ông Điều) hiện đã mất có đồng ý cho gia đình ông Đ đi bà thấy gia đình ông Đ như vậy nhưng cũng im lặng. Đến tháng 4/2018 bà không cho ông Đ đi trên lối đi này nữa lý do: ông Đ thường xuyên làm hư hỏng cây trồng của gia đình bà.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu gia đình bà phải trả lại lối đi này cho gia đình ông Đ bà B không đồng ý lý do thời gian qua bà cho gia đình ông Đ đi nhờ trên lối đi này nhưng ông Đ đã không biết giữ gìn làm hư hỏng, gãy đổ cây trồng của gia đình bà cũng không trồng lại. Hiện bà đã có ý định cho con trai út là anh T2

phần đất này, anh T2 đã cày xới lên để trồng tiêu nên không thể cho đi nhờ được nữa. Mặt khác, xung quanh đất của ông Đ còn rất nhiều hộ dân khác có thể mở lối đi cho gia đình ông Đ sử dụng ra đến đường liên thôn chứ không chỉ gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm H: có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và thống nhất với ý kiến của ông Đ, không có yêu cầu bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thanh T1, ông Đỗ Thanh T2 trình bày: Ông Tú, ông Toàn thống nhất lời trình bày của bà B. Nếu ông Đ cho rằng đây là con đường công cộng thì ông Đ phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh vì trên bản đồ chính qui thửa đất của hộ bà B không thể hiện lối đi qua, theo các ông được biết ngoài con đường này, trước đây ông Đ đã có con đường khác để đi và lối đi này không phải lối đi duy nhất như ông Đ trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thanh T3, bà Nguyễn Thị N thống nhất yêu cầu của bà B, ông Tú, ông Toàn, không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Tấn Đ về việc “ Tranh chấp quyền về lối đi chung” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thanh T1, ông Đỗ Văn T2, ông Đỗ Thanh T3, bà Nguyễn Thị N di dời toàn bộ tài sản trên đất gồm: 32 nọc tiêu 01 năm tuổi, 53 nọc tiêu 02 năm tuổi (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2019) để trả lại phần đường đi chưa được cấp Giấy CNQSDĐ có chiều ngang 4m; chiều dài phía bắc giáp cạnh giáp đất bà B là 125.24m, phía nam cạnh giáp đất bà Xuân là 111.65m, cạnh giáp đất ông Đ là 13.15m, Cạnh phía đông giáp đất ông Phụ 0.66m, cạnh giáp đất ông Đ 3.34m, Phía tây giáp đường nhựa liên thôn 4m. Tổng diện tích 472,3m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 38 đã được đo đạc chính qui đứng tên hộ bà Nguyễn Thị B (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

Kiến nghị UBND huyện B khi xem xét cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị B có phần đường đi qua, phải trừ lại phần diện tích làm đường đi như trên (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 04/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B)

Ngoài ra bản án có quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/12/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/12/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308, 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Tấn Đ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T1 làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bà B, anh T1 thấy rằng:

[1] Theo nguyên đơn ông Đ diện tích đất thuộc thửa số 54, diện tích 21.629,3m² có nguồn gốc do gia đình ông khai phá năm 1990, khi khai phá đã có 01 con đường có chiều ngang 04m, dài 100m dọc theo ranh đất bà B vào tới đất ông, gia đình ông đã sử dụng con đường trên từ năm 1990 đến tháng 4/2018 gia đình bà B rào chắn lại không cho đi nữa.

[2] Phía bị đơn bà B lại cho rằng thửa số 33, diện tích 14.425,8m² có nguồn gốc do gia đình bà khai phá năm 1990, năm 1995 ông Điều là chồng bà B được Lâm trường Lộc Quang ký hợp đồng giao khoán. Từ năm 1990 bà thấy có 01 con đường đi qua đất gia đình bà vào đất ông Đ có chiều ngang 02m, dài 120m, sau này ông Điều có đồng ý cho ông Đ đi bằng con đường này vào đất ông Đ nhưng do ông Đ thường xuyên làm hư hỏng cây trồng nhà bà nên bà không cho đi nữa. Hiện nay, sơ đồ địa chính cũng không thể hiện có con đường đi trên nên bà không đồng ý trả lại con đường theo yêu cầu của ông Đ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại Công văn số 1206/UBND-KT của UBND huyện B xác định: Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Dương Tấn Đ,

bà Nguyễn Thị B có nguồn gốc: Thuộc quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng giao về địa phương quản lý theo Quyết định số 3428/QĐ-UBND ngày 07/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất lâm nghiệp của Công ty cao su Sông Bé và Ban quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh, giao cho UBND huyện B. Năm 2009 toàn bộ quỹ đất này đã được Trung tâm kỹ thuật địa chính đo đạc chính quy. Theo đó thửa số 54, tờ bản đồ 38 diện tích 21629,3m² chủ sử dụng theo hồ sơ địa chính là ông Dương Tấn Đ; Thửa số 33, tờ bản đồ số 38 diện tích 14.425,8m² theo hồ sơ địa chính người đăng ký tên là ông Đỗ Văn Điều;

Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2020 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường - UBND huyện B trả lời: Cả hai diện tích đất thuộc thửa số 54 và 33, tờ bản đồ 38 hiện nay đang thuộc quản lý của UBND huyện B, cả hai diện tích trên chỉ mới được đo đạc, giải thửa để xem xét cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ dân sử dụng ổn định, chứ chưa thực hiện việc đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, sơ đồ giải thửa là bản đồ địa chính năm 2009 chỉ là một cơ sở để UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ.

[4] Theo quy định tại Điều 3, Điều 5 Luật đất đai năm 2013 quy định *“Tranh chấp đất đai là tranh chấp quyền, nghĩa vụ người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai”*; *“Người sử dụng đất là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này”*. Xét thấy, cả hai thửa đất số 54, 33 thuộc tờ bản đồ số 38 do gia đình ông Đ và bà B sử dụng đều chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ nên các quyền của người sử dụng đất quy định tại Luật đất đai hay quyền đối với bất động sản liên kế quy định tại Bộ luật dân sự đều chưa được nhà nước, pháp luật công nhận.

[5] Mặc dù, ông Đ cho rằng con đường có chiều ngang 4m, dài 100m nằm dọc đất bà B vào đất của ông là con đường công cộng đã có từ trước. Tuy nhiên, theo quy định Điều 155 Luật đất đai thì đất sử dụng vào mục đích công cộng, trong đó có đất đường đi công cộng thì việc sử dụng đất vào mục đích công cộng phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nên việc xác định con đường ông Đ khởi kiện có phải là lối đi công cộng hay không thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý đất đai.

[6] Từ những phân tích trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Đ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định con đường ông Đ khởi kiện là lối đi đã có từ trước nhưng lại xác định quan hệ pháp luật là quyền về lối đi chung và áp dụng quy định Bộ luật dân sự về quyền lối đi chung để giải quyết là không đúng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tú, huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng kèm theo cho ông Đ.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do Bản án sơ thẩm bị huỷ và đình chỉ giải quyết vụ án nên ông Đ không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016041 ngày 29/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do bà B, anh T1 được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu. Ông Đỗ Thanh T1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017106 ngày 13/12/2019.

[9] Chi phí tố tụng: Ông Dương Tấn Đ phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.990.572 đồng, được trừ vào số tiền ông Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh T1.

Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết vụ án. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho các nguyên đơn ông Dương Tấn Đ.

Án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Dương Tấn Đ không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Đ đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu số 0016041 ngày 29/8/2018.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Nguyễn Thị B, ông Đỗ Thanh T1 không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho ông Đỗ Thanh T1 số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0017106 ngày 13/12/2019.

Chi phí tố tụng: Ông Dương Tấn Đ phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.990.572 đồng. Được khấu trừ vào số tiền ông Dương Tấn Đ đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Viết Phong